

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 245/2024/KDTM-ST

Ngày: 24 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Long Sơn – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 829/2024/QĐXXST - KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); Trụ sở chính: Số L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: A L, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Phương B theo giấy ủy quyền số 1876/GUQ-NHNoTB-PKHCN ngày 24/9/2024

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: 2 T, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông: Phạm Mạnh H; Địa chỉ: 2 Đường số A, Phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Q; Địa chỉ: 2 T, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng N trình bày:

Ngày 08/6/2020, Ngân hàng N - Chi nhánh T3 (A) (sau đây gọi là nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn T (sau đây gọi là bị đơn) ký hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-202000305 với nội dung như sau:

- Số tiền cho vay: 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng).
- Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng: 9%/năm.
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ
- Thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày 08/6/2020.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Phạm Mạnh H ký hợp đồng thế chấp số 6360-LCL-202000284 ngày 08/6/2020 thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 335, tờ bản đồ 5 xã A, thành phố T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BI 883976, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00984, do UBND thành phố T cấp ngày 13/03/2012 thuộc quyền sử dụng của ông H. Việc thế chấp này đã được đăng ký thế chấp theo quy định.

Phía nguyên đơn đã giải ngân khoản vay trên theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6360-LDS-202101012 ngày 08/6/2021 số tiền 7.000.000.000 đồng và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6360-LDS-202101022 ngày 10/6/2021 số tiền 1.000.000.000 đồng.

Nguyên đơn hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AI516524, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01329 do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Long An cấp ngày 21/01/2008.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Khoản vay nêu trên đã quá hạn từ ngày 09/03/2023. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng trên nhưng không thực hiện. Nay, nguyên đơn yêu cầu:

- Bị đơn có trách nhiệm thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký ngay khi án có hiệu lực pháp luật.
- Yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn.
- Tuyên nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: 6360-LCL-202000284 ký ngày 08/6/2024 để

thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn để thu hồi nợ.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Do các đương sự không có mặt đầy đủ và nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày như tại đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2024 là: 10.279.214.035 đồng, trong đó nợ gốc là 8.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.202.116.813 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.077.097.222 đồng.

Nguyên đơn đang giữ bản chính giấy chứng nhận số BI 883976, sổ vào sổ cấp GCN : CH 00984 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 13/3/2012.

Tuy bà Nguyễn Thị Ngọc Q đang tồn tại quan hệ hôn nhân với ông T nhưng khi ký hợp đồng vay chỉ có bị đơn ký do đó nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán.

Bị đơn: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Mạnh H và bà Nguyễn Thị Ngọc Q: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần và sự có mặt các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày 24/9/2024 là: 10.279.214.035 đồng, gồm nợ gốc là 8.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.202.116.813 đồng, lãi quá hạn: 1.077.097.222 đồng, trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực đồng thời có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do mục đích vay của bị đơn là bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ và bị đơn có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nên đây là tranh chấp phát sinh nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đã hình thành quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại. Tại khoản 5 Điều 9 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký có thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết là nơi có địa chỉ chi nhánh C (chi nhánh A) hoạt động. Do chi nhánh của nguyên đơn có trụ sở hoạt động tại quận T nên Tòa án Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc đưa người tham gia tố tụng: Do ông Phạm Mạnh H là bên bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn; bà Nguyễn Thị Ngọc Q đang tồn tại quan hệ hôn nhân với bị đơn nên cũng cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về sự có mặt của Viện kiểm sát: Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này theo quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn thiếu 8.000.000.000 đồng:

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như thực hiện thủ tục tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định như sau:

Hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-202000305 ngày 08/6/2020 hai bên đã ký là tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và

nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền gốc là 8.000.000.000 đồng thể hiện tại báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6360-LDS-202101012 ngày 08/6/2021 số tiền 7.000.000.000 đồng và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 6360-LDS-202101022 ngày 10/6/2021 số tiền 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Thời điểm hiện nay, tuy đã hết thời hạn vay nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản tiền gốc là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc như trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản lãi trong hạn: 1.202.116.813 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.077.097.222 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn, thấy:

Tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay, lãi chậm trả lãi, phí như sau: Đối với dư nợ gốc trong hạn, lãi suất 9%/năm, lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả 5%/năm. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định: “*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*”

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và đối chiếu với bảng chi tiết tính lãi do nguyên đơn cung cấp, thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính đến ngày 24/9/2024 và tiếp tục trả các khoản tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận theo các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản vay còn thiếu nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm liên đới của bà Q, chỉ buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất là thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ : Xã A, thành phố T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận số BI 883976, số vào sổ cấp GCN : CH 00984 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 13/3/2012 để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, thấy: Nội dung của hợp đồng thế chấp số 6360-LCL-2020 00284 ngày 08/6/2020 là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Việc thế chấp tài sản được các bên thực hiện theo quy định và đã được đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T, tỉnh Long A ngày 08/6/2020, quyển số 06, số thứ tự 003597 là đúng quy định nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã ghi nhận hiện trạng thực tế, vị trí thửa đất không có sự thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp và không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc giải quyết vụ án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quang T2 là người dùng tài sản của mình thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ nhưng vẫn không có ý kiến cũng như không đưa ra yêu cầu độc lập gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Do nguyên đơn hiện giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tài sản thế chấp nên có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H ngay sau khi bị đơn thanh toán hết các khoản tiền nêu trên.

[2.4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do nguyên đơn đã tạm ứng là 10.000.000 đồng: Do việc xem xét thẩm định tại chỗ được thực hiện để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn và do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại toàn bộ chi phí này cho nguyên đơn.

[2.5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng N.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 24/9/2024 là: 10.279.214.035 đồng (Mười tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm mười bốn ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), gồm: Nợ gốc: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng); lãi trong hạn: 1.202.116.813 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ hai triệu một trăm mười sáu ngàn tám trăm mười ba đồng), lãi quá hạn: 1.077.097.222 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu không trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

1.2. Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Kể từ ngày 25/9/2024, ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nêu trên. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4. Ngay sau khi ông Nguyễn Văn T thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng N thực hiện xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho ông Phạm Mạnh H các giấy tờ sau: Bản chính giấy chứng nhận số BI 883976, sổ vào sổ cấp GCN : CH 00984 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 13/3/2012.

1.5. Đến hạn trả nợ, ông Nguyễn Văn T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm được thế hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCL-2020 00284 ngày 08/6/2020, số công chứng 2619, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1, tỉnh Long An.

- Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng N thì ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

- Nếu sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Nguyễn Văn T đối với Ngân hàng N thì Ngân hàng N phải hoàn trả phần giá trị còn lại cho ông Phạm Mạnh H.

1.6. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng N chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã thực hiện là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T chịu án phí kinh doanh sơ thẩm là 118.279.214 đồng (một trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm mười bốn đồng).

- H1 lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã đóng là 58.111.233 đồng (Năm, mười tám triệu một trăm mười một ngàn hai trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023944 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo